TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 278/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1963.

HKTT: Ấp Trần Văn N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam K - Bộ Công an. Thuộc ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông Đặng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa

phương và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống thường xuyên cự cải nhau, nguyên nhân do ông C có tính chất côn đồ đánh đập và dùng dao hâm đọa giết bà. Đến năm 2014 ông C đã thực hiện hành vi bỏ thuốc độc mưu sát ông già ruột của bà và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử 09 năm tù về tội: "Giết người không thành", trong thời gian chấp hành án ở trại giam ông C thường hâm dọa khi mãn tù về sẽ giết bà. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 người con tên Đặng Thị K, sinh 1989 và Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1991, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và phần nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn C trình bày như sau: Ông thừa nhận theo lời trình bày của bà T về hôn nhân và về con chung nêu trên là hoàn toàn đúng.

Nay bà T yêu cầu thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản và phần nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản và phần nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án đang cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Đặng Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, ông C đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với Đặng Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông C là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C.

Về con chung: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C có 02 người con tên Đặng Thị K, sinh 1989 và Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1991, các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C.

2. Về con chung: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C có 02 người con tên Đặng Thị K, sinh 1989 và Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1991, đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Dương Thị T và ông Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0005824, ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà T có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/3/2019). Đối với ông C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đông Thái;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tâm